

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**



## QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ và phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo soát xét	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	5
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo thu nhập giữa niên độ (Mẫu số B 01g – QM)	13
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 02g – QM)	15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ (Mẫu số B 03g – QM)	17
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 04g – QM)	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 05g – QM)	20
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 06 - QM)	22

## **QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

### **THÔNG TIN CHUNG**

**Giấy chứng nhận Đăng ký lập  
Quỹ đại chúng**

11/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014.

**Ban đại diện Quỹ**

Ông Trần Phát Minh  
Ông Cung Trần Việt  
Ông Huỳnh Richard Lê Minh

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

**Ngân hàng giám sát**

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower,  
9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## **QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

### **BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 4 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

#### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư 15/2016/TT- BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT- BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Trần Phát Minh  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2016, và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 10 tháng 8 năm 2016. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 13 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”)**

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

### Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được soát xét.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM5532  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Như đã nêu trong thuyết minh 3.1 cho các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT (“QUỸ” hoặc “VCAMBF”)

##### 1.1 Mục tiêu của Quỹ

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“VCAMBF”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

##### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 14,0% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

##### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu (bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

##### 1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

##### 1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

##### 1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

##### 1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 15 tháng 5 năm 2014.

##### 1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 73.133.746.520 Đồng Việt Nam, tương ứng với 5.931.660,19 Chứng chỉ Quỹ.

## QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

##### 1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

##### 1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.

##### 1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 300 Đồng/Chứng chỉ Quỹ.

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

##### 2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Tại ngày		
	30/06/2016	30/06/2015	30/06/2014
	%	%	%
1. Danh mục chứng khoán	65,19	52,17	49,56
2. Tài sản khác	34,81	47,83	50,44
	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

##### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Tại ngày		
	30/06/2016	30/06/2015	30/06/2014
1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	73.133.746.520	59.886.869.621	55.152.960.340
2. Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5.931.660,19	5.821.030,38	5.431.408,95
3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ Quỹ (VND/CCQ)	12.329,39	10.288,02	10.154,45
4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	12.329,39	10.529,22	10.164,92
5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	10.249,09	9.884,78	9.957,02
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng



## QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

##### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (tiếp theo)

	Tại ngày		
	30/06/2016	30/06/2015	30/06/2014
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	19,8%	1,3%	1,5%
9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(907,0%)	51,8%	1,5%
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	926,8%	(50,4%)	0,0%
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND/CCQ)	Không có	Không có	Không có
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ(VND/CCQ)	Không có	Không có	Không có
12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,34%	2,44%	2,46%
14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	173,03%	152,30%	63,40%

##### 2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	19,8%	19,8%
Từ khi thành lập	23,3%	50,4%

##### 2.4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	30/06/2016	30/06/2015	30/06/2014
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	19,8%	1,3%	1,5%

(\*) So sánh giữa giai đoạn 30/06/2014 và 15/05/2014 – khi Quỹ bắt đầu hoạt động.

### 3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Tăng trưởng kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm 2016 vẫn tích cực tuy nhiên có xu hướng chững lại, khi tăng trưởng GDP ước đạt +5,52% YoY, thấp hơn so với 6,28% YoY của cùng kỳ 2015. Trong đó, mặt bằng lạm phát cả nước về cơ bản duy trì tương đối ổn định. CPI nửa đầu năm tăng 1,72% so với cuối năm 2015. Nguồn vốn FDI được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng trong 2016 với hiệp định TPP. Tổng vốn đăng ký mới nửa đầu 2016 đạt 11,28 tỷ USD, tăng +105,4% so với cùng kỳ. Sự ổn định của lãi suất và tỷ giá, thị trường tiền tệ đảm bảo thanh khoản cho hệ thống cũng là yếu tố tích cực góp phần tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh những yếu tố tích cực, xuất siêu, thâm hụt ngân sách khó thu hẹp được xem là những yếu tố kìm hãm đà tăng trưởng kinh tế trong nửa đầu năm 2016.

Ngoài những yếu tố nội tại, những biến động về kinh tế thế giới cũng ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam nói chung cũng như thị trường chứng khoán nói riêng khi kinh tế Mỹ trong 6 tháng đầu năm cho những tín hiệu trái chiều và những nỗi lo đối với nền kinh tế Trung Quốc.

Trong 6 tháng đầu năm 2016, VNIndex tăng 9,19% và HNXIndex tăng 5,96%, NAV/CCQ của quỹ VCAMBF tăng 14,2%. Thị trường lao dốc trong tháng 1 do những ảnh hưởng từ diễn biến thế giới, sau đó thị trường ghi nhận nhịp tăng đầu tiên trong năm và kéo dài hơn 5 tháng. Dầu khí, vật liệu xây dựng, và dược là nhóm cổ phiếu dẫn dắt thị trường trong thời gian qua. Vào cuối tháng 6, chỉ số P/E của thị trường Việt Nam (sàn H SX) đạt mức 13,63 lần.

## QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

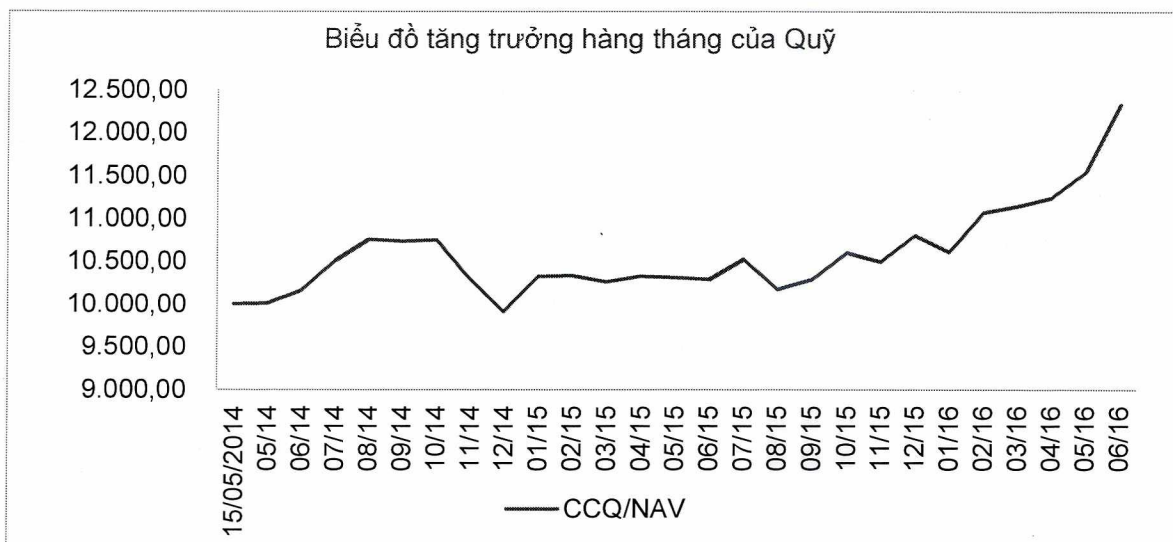
### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ:

##### 4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	926,8%	Không có (*)	Không có (*)
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	(907,0%)	Không có (*)	Không có (*)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	19,8%	50,4%	50,4%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	19,8%	50,4%	50,4%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

(\*) Số liệu này không có do Quỹ mới được thành lập ngày 15 tháng 5 năm 2014.



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/06/2016	31/12/2015	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	73.133.746.520	64.167.662.674	14,0%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.329,39	10.800,51	14,2 %

Trong giai đoạn 31/12/2015 - 30/06/2016, giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ Quỹ của Quỹ VCAMBF tăng 14,2% nhờ tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Tổng giá trị tài sản ròng (NAV) tăng thấp hơn, ở mức 14%, do có một (01) nhà đầu tư thực hiện rút vốn khiến quy mô Quỹ thu hẹp lại.

## QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BÀN VIỆT

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

##### 4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	91	45.847,92	0,77%
Từ 5.000 - 10.000	12	110.787,07	1,87%
Từ 10.000 đến 50.000	3	116.547,14	1,96%
Từ 50.000 đến 500.000	3	882.358,66	14,88%
Trên 500.000	1	4.776.119,40	80,52%
<b>Tổng cộng</b>	<b>110</b>	<b>5.931.660,19</b>	<b>100,00%</b>

##### 4.3 Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm và giảm giá.

#### 5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong 6 tháng cuối năm, cầu đầu tư nội địa và cầu tiêu dùng được kỳ vọng sẽ cải thiện hơn so với giai đoạn đầu năm theo yếu tố chu kỳ và dưới sự hỗ trợ của định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp, tuy nhiên, khả năng tạo sự bứt phá là thấp. Trong khi đó, với sự phục hồi trở lại của giá dầu thô thế giới và kết quả phát hành trái phiếu khá thành công trong nửa đầu năm, ngành Khai khoáng và chỉ tiêu Chính phủ được kỳ vọng là sẽ được đẩy mạnh hơn để hỗ trợ cho tăng trưởng.

Thị trường chứng khoán nhiều khả năng duy trì trạng thái tích cực trong Quý III và sau đó có thể chứng kiến những kịch bản kém tích cực trong Quý IV. Các yếu tố rủi ro tiềm ẩn như sự giảm tốc của kinh tế vĩ mô, ảnh hưởng của sự kiện Brexit và áp lực từ nợ công có khả năng sẽ khiến thị trường chứng kiến nhịp đảo chiều vào nửa sau Quý III hoặc đầu Quý IV.

#### 6 THÔNG TIN KHÁC

##### 6.1 Nhân sự điều hành Quỹ

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Phạm Xuân Đồng	Giám đốc Quỹ VCAMBF	- Cử nhân chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng tại trường Đại học LSE - Cao học Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Northumbria.	Trước khi gia nhập VCAM, ông Đồng trải qua các vị trí chuyên viên phân tích cấp cao tại phòng Nghiên cứu và Phân tích chứng khoán thuộc công ty chứng khoán ACB, và sau đó là vị trí Phó trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu và tư vấn đầu tư cho khách hàng của Công ty chứng khoán. Các ngành mà ông nghiên cứu chuyên sâu bao gồm Bảo hiểm, Dược phẩm và Thực phẩm và Đồ uống tại Việt Nam.
Bà Phạm Viêt Lan Anh	Trưởng phòng Đầu tư Quỹ VCAMBF	- Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Quốc gia Singapore - Thành viên của hiệp hội CFA Singapore	Bà Lan Anh có nhiều kinh nghiệm với vị trí Trưởng phòng đầu tư tại Quỹ VCHF (từ 2011-đến nay) - tham gia phụ trách thành công nhiều thương vụ đầu tư, đem lại lợi nhuận tốt cho Quỹ (DMC, JVC, mua bán sáp nhập các Bệnh viện tư nhân...). Bà từng đảm nhận vị trí Phó phòng Phân tích Công ty chứng khoán Bảo Việt (2009-2011) và có nhiều năm công tác tại Citibank, Singapore và Thomson Reuters, Singapore (2006-2009).

## QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

##### 6.2 Ban Đại diện Quỹ

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	- Cử nhân ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Kiên Long.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	- Thạc sĩ quản trị kinh doanh của trường Đại Học Sydney - Cử Nhân Khoa Học về Kỹ thuật Chế Biến Thực Phẩm của Viện Công Nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Cung Trần Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Giám Đốc Nghiên cứu & Phân tích Đầu Tư. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám Đốc Phân Tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1988.
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	- Cử nhân Thương mại của Curtin University of Western Australia - Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia)	Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam. Hiện tại, ông là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt.

##### 6.3 Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	- Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) - Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ.	Bà Nguyễn Thanh Phương là thành viên sáng lập của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt (VCAM) và Công ty Chứng khoán Bản Việt (VCSC). Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Bản Việt – Viet Capital Bank (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), Bà Phương được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của ngân hàng này từ tháng 2/2012.  Bà Phương từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những Nhà Đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập Viet Capital, Bà giữ vai trò Giám đốc đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán London.

## QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cử nhân chuyên ngành kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia)</li><li>- Thành viên hiệp hội kế toán viên công chứng Úc (CPA Australia)</li></ul>	<p>Ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quý. Trước khi gia nhập VCAM, ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.</p> <p>Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Vietnam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.</p>
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thạc sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại Học Sydney</li><li>- Cử Nhân Khoa Học về Kỹ thuật Chế Biến Thực Phẩm của Viện Công Nghệ Odessa (Liên Xô cũ)</li></ul>	<p>Ông Cung Trần Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Giám Đốc Nghiên cứu &amp; Phân tích Đầu Tư. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám Đốc Phân Tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1988.</p>

Tp.HCM, ngày 10 tháng 8 năm 2016

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Gia Tuấn

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt ("Quỹ") cho giai đoạn giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2016 Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2016, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

- Tại một số kỳ định giá trong tháng 1, tháng 2 và tháng 4 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với mục 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều lệ Quỹ, theo đó tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Theo Nghị quyết Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2015 ngày 04 tháng 04 năm 2016, Đại hội Nhà Đầu tư đã thông qua mức lợi nhuận phân phối cho năm 2015 là 3% mệnh giá chứng chỉ Quỹ bằng tiền. Quỹ đã thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư theo tỷ lệ phân phối ở trên trong năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư bất thường năm 2015 ngày 10 tháng 12 năm 2015.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**STEFAN CORERA**  
Giám Đốc Điều Hành  
Khối Nghiệp Vụ và CNTT

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT** 



**LÊ SỸ HOÀNG**  
Trưởng Phòng Nghiệp Vụ Chứng Khoán

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>10.025.783.553</b>	<b>2.888.141.957</b>
02	1.1. Cổ tức được chia	5.1 837.995.000	513.840.000
03	1.2. Tiền lãi được nhận	5.2 434.305.453	398.380.557
04	1.3. Lãi bán các khoản đầu tư	5.3 1.536.841.957	107.078.463
05	1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5.4 7.216.641.143	1.868.842.937
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>173.591.592</b>	<b>133.668.938</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	5.5 173.591.592	133.668.938
13	2.2. Chi phí lãi vay	5.6 -	-
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ</b>	<b>778.622.538</b>	<b>708.156.470</b>
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ	298.076.767	259.440.453
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ	114.191.306	86.344.479
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát Quỹ	117.390.000	117.390.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	67.080.000	67.080.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	67.100.000	66.000.000
20.8	3.6. Chi phí kiểm toán	65.190.523	54.547.945
20.10	3.7. Chi phí hoạt động khác	5.7 49.593.942	57.353.593
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>9.073.569.423</b>	<b>2.046.316.549</b>

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 48 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
24	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>	-	-
30	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>9.073.569.423</b>	<b>2.046.316.549</b>
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	6.9 1.856.928.280	177.473.612
32	6.2. Lãi chưa thực hiện	6.9 7.216.641.143	1.868.842.937
40	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	-	-
41	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>9.073.569.423</b>	<b>2.046.316.549</b>

*Trần Đỗ Quyên*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Trần Đỗ Quyên  
Người lập  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

*Khúc Thị Kiều*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 48 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	
		30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền <i>Trong đó:</i>	6.1 24.355.287.535	29.352.637.450
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	9.161.818.945	4.352.637.450
112	1.2. Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng	15.193.468.590	25.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	6.2 48.077.494.800	34.435.456.700
121	2.1. Các khoản đầu tư	48.077.494.800	34.435.456.700
130	3. Các khoản phải thu	1.322.425.686	844.664.420
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	1.035.045.100	807.137.475
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	6.3 287.380.586	37.526.945
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	287.380.586	37.526.945
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>73.755.208.021</b>	<b>64.632.758.570</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>		
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	6.4 402.078.214	188.582.840
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	-	628.779
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	600.000	725.755
315	4. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	6.5 -	16.776.086
316	5. Chi phí phải trả	6.6 81.342.081	126.200.000
319	7. Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ	6.7 137.441.206	132.182.436
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>621.461.501</b>	<b>465.095.896</b>

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 48 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày		
		30.6.2016 VND	31.12.2015 VND	
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>6.8</b>	<b>73.133.746.520</b>	<b>64.167.662.674</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		59.316.601.952	59.411.712.252
412	1.1 Vốn góp phát hành		60.597.958.652	60.597.958.652
413	1.2 Vốn góp mua lại		(1.281.356.700)	(1.186.246.400)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		171.695.435	184.070.712
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	6.9	13.645.449.133	4.571.879.710
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>12.329,39</b>	<b>10.800,51</b>
<b>440</b>	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>			
441	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ		-	1.782.351.366
442	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ đến kỳ lập báo cáo này		1.782.351.366	1.782.351.366

**CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

1.	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5.931.660,19	5.941.171,22
----	--------------------------------------	--------------	--------------

*Trần Đỗ Quyên*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Trần Đỗ Quyên  
Người lập  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

*Khúc Thị Kiều*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,  
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

STT	Nội dung	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu kỳ</b>	<b>64.167.662.674</b>	<b>55.139.390.747</b>
II	<b>Thay đổi NAV so với kỳ trước</b>	<b>9.073.569.423</b>	<b>2.046.316.549</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	9.073.569.423	2.046.316.549
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ</b>	<b>(107.485.577)</b>	<b>2.701.162.325</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Thay đổi NAV do phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ	-	3.134.250.000
III.2	Thay đổi NAV do mua lại Chứng chỉ Quỹ	(107.485.577)	(433.087.675)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ</b>	<b>73.133.746.520</b>	<b>59.886.869.621</b>
V	<b>Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại cuối kỳ</b>	<b>12.329,39</b>	<b>10.288,02</b>

*Trần Đỗ Quyên*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Trần Đỗ Quyên  
Người lập  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

*Phạm Gia Tuấn*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Mẫu số B 04g – QM

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 30.6.2016 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
1	VNM	58.000	141.000	8.178.000.000	11,09%
2	KSB	100.000	74.500	7.450.000.000	10,10%
3	FPT	147.973	41.800	6.185.271.400	8,39%
4	VSC	60.500	65.500	3.962.750.000	5,38%
5	CTD	18.000	193.000	3.474.000.000	4,71%
6	HSG	77.000	41.300	3.180.100.000	4,31%
7	DBC	76.000	37.700	2.865.200.000	3,88%
8	TCM	110.130	25.200	2.775.276.000	3,76%
9	GAS	42.400	62.500	2.650.000.000	3,59%
10	CSM	75.209	26.400	1.985.517.600	2,69%
11	MBB	130.002	14.900	1.937.029.800	2,63%
12	SCR	170.000	9.700	1.649.000.000	2,24%
13	CMS	166.500	7.900	1.315.350.000	1,78%
14	BHS	25.000	18.800	470.000.000	0,64%
		<b>1.256.714</b>		<b>48.077.494.800</b>	<b>65,19%</b>
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Tiền bán chứng khoán chờ thu			1.035.045.100	1,40%
2	Phải thu ròng về thu nhập cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư			287.380.586	0,39%
				<b>1.322.425.686</b>	<b>1,79%</b>

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 48 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

**Mẫu số B04g – QM**

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016  
(tiếp theo)**

STT	Chỉ tiêu	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>III Tiền</b>			
1	Tiền gửi không kỳ hạn	9.161.818.945	12,42%
2	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (03) tháng	15.193.468.590	20,60%
		<b>24.355.287.535</b>	<b>33,02%</b>
<b>IV Tổng giá trị danh mục</b>			
		<b>73.755.208.021</b>	<b>100,00%</b>



\_\_\_\_\_  
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
 Chứng khoán Bản Việt  
 Trần Đỗ Quyên  
 Người lập  
 Ngày 10 tháng 8 năm 2016



\_\_\_\_\_  
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
 Chứng khoán Bản Việt  
 Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 10 tháng 8 năm 2016



\_\_\_\_\_  
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
 Chứng khoán Bản Việt  
 Phạm Gia Tuấn  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 8 năm 2016

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Mẫu số B 05g – QM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		9.073.569.423	2.046.316.549
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(7.216.641.143)	(1.868.842.937)
	Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(7.216.641.143)	(1.868.842.937)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		1.856.928.280	177.473.612
	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(6.425.396.957)	14.140.723.537
06	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		(227.907.625)	(2.266.295.450)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(249.853.641)	48.552.778
10	Tăng phải trả cho người bán		213.495.374	101.918.750
11	Giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		(628.779)	1
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(125.755)	3.600.000
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		(44.857.919)	(8.096.829)
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ		5.258.770	3.274.262
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.873.088.252)	12.201.150.661
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ		-	3.134.250.000
32	Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		(107.485.577)	(433.087.675)
3	Tiền chi trả cổ tức, tiền lãi cho Nhà đầu tư	6.5	(16.776.086)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(124.261.663)	2.701.162.325
40	<b>III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ</b>		(4.997.349.915)	14.902.312.986

Các thuyết minh từ trang 22 đến trang 48 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Mẫu số B 05g – QM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	6.1	29.352.637.450	11.881.123.693
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	6.1	24.355.287.535	26.783.436.679
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(4.997.349.915)	14.902.312.986

*Trần Đỗ Quyên*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Trần Đỗ Quyên  
Người lập  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

*Khúc Thị Kiều*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016



*Phạm Gia Tuấn*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

**1.1 Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ và Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ mở**

Quỹ đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”). Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian không xác định. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch thông qua các đại lý phân phối.

Chứng chỉ Quỹ được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014 do UBCKNN cấp. Theo quy định của giấy phép này, Quỹ được phép phát hành tối thiểu 5.000.000 đơn vị Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/đơn vị Quỹ.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý. Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát của Quỹ.

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ**

***Quy mô vốn***

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ là 54.314.089.552 Đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ tại ngày báo cáo dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư theo Thuyết minh 6.8.

***Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư***

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho nhà đầu tư thông qua một danh mục đầu tư cân bằng và đa dạng hóa, bao gồm các loại cổ phiếu và tài sản có thu nhập ổn định trên thị trường Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

***Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV)***

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày thứ Sáu (“ngày định giá”). Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho quỹ mở.

***Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ***

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)***

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày làm việc trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai số thập phân sau dấu phẩy.

***Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ***

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ là hai (02) lần trong một (01) tháng, vào ngày thứ Sáu đầu tiên và ngày thứ Sáu thứ ba hàng tháng. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày thứ Sáu của tuần kế tiếp.

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC, các báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**3.2 Hình thức kế toán áp dụng:**

Quỹ áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ, tiền gửi của Quỹ cho mục đích thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua Chứng chỉ Quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.2 Các khoản đầu tư**

***Nguyên tắc phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

***Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận***

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

***Đánh giá lại***

*a) Cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

*b) Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch, cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo một trong các mức sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

*c) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”)*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- (i) Giá trung bình dựa trên các báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá) của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan;
- (ii) Trường hợp giá nêu tại điểm (i) nêu trên không xác định được, các cổ phiếu này được định giá theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá; hoặc
  - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Giá mua; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

***Đánh giá lại (tiếp theo)***

*d) Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

*(e) Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

*(f) Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán*

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Các trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận và được quy định chi tiết trong Sổ tay Định giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế

*(g) Trái phiếu không niêm yết*

Trái phiếu không niêm yết được định giá theo một trong các mức giá sau:

- Giá yết (nếu có) trên hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận và được quy định chi tiết trong Sổ tay Định giá

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

***Đánh giá lại (tiếp theo)***

*(h) Chứng khoán phái sinh niêm yết*

Chứng khoán phái sinh niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (2) tuần trở lên được định giá theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

*(i) Tiền gửi có kỳ hạn*

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.

*(k) Quyền mua chứng khoán*

Quyền mua chứng khoán phái sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp được quy định tại Sổ tay định giá) của chứng khoán tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

*(l) Tài sản khác*

Tài sản khác được định giá theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

***Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư***

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****4.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Mức trích lập dự phòng</b>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

**4.4 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

**4.5 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

***Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2016/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2016 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (năm 2015: 22%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

***Giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư 103/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.6 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**4.7 Vốn góp của nhà đầu tư**

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

***Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

***Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

***Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư***

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận khi phát hành/mua lại và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại. Giá bán/ giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ giá phát hành tại các kỳ giao dịch bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với phí phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi được quy định tại Bản cáo bạch. Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi phí mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.

***Phân phối thu nhập của Quỹ***

Cổ tức của Quỹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.8 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quý nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

***Tiền lãi***

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

***Cổ tức***

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

***Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.9 Chi phí**

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

**4.10 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quý liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quý căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4.11 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Mẫu số B 06g – QM

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Cổ tức được chia

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
Cổ tức đã nhận	568.481.000	513.840.000
Dự thu cổ tức	269.514.000	-
	<u>837.995.000</u>	<u>513.840.000</u>

5.2 Tiền lãi được nhận

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
Tiền lãi đã nhận	416.438.867	376.730.557
Dự thu tiền lãi	17.866.586	21.650.000
	<u>434.305.453</u>	<u>398.380.557</u>

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.3 Lãi bán các khoản đầu tư**

	Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND	Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND	Lãi đã thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2016 VND	Lãi đã thực hiện lũy kế tại ngày 30.6.2016 VND	Lãi đã thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VND (Chưa soát xét)
Cổ phiếu niêm yết	53.561.607.000	52.024.765.043	1.536.841.957	8.357.128.670	107.078.463

**5.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

	Giá trị sổ sách VND	Giá thị trường tại ngày 30.6.2016 VND	Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 30.6.2016 VND	Lỗ chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 31.12.2015 VND	Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2016 VND
Cổ phiếu niêm yết	42.886.148.674	48.077.494.800	5.191.346.126	(2.025.295.013)	7.216.641.143

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.5 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
Chi phí môi giới mua cổ phiếu niêm yết	92.175.246	55.733.748
Chi phí môi giới bán cổ phiếu niêm yết	80.342.411	77.105.450
Phí thanh toán bù trừ tại VSD	1.073.935	829.740
	<u>173.591.592</u>	<u>133.668.938</u>

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BÁN VIỆT**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.5 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư (tiếp theo)**

Chi tiết chi phí giao dịch theo từng công ty mỗi giới chính trong kỳ như sau:

STT	Các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ báo cáo	Phí giao dịch bình quân
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	25.474.435.000	115.011.769.000	22,15%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	89.537.334.000	115.011.769.000	77,85%	0,15%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>115.011.769.000</b>		<b>100,00%</b>	

(\*) Giá trị giao dịch này không bao gồm các giao dịch không thông qua các công ty chứng khoán như giao dịch thực hiện quyền, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán không niêm yết.

**5.6 Chi phí lãi vay**

Trong kỳ, Quỹ không tham gia bất kỳ hợp đồng vay cũng như hợp đồng bán và mua lại.

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.7 Chi phí hoạt động khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
Thù lao Ban đại diện Quỹ (Thuyết minh số 8.5)	36.000.000	36.000.000
Phí ngân hàng	8.621.260	5.561.987
Chi phí khác	4.972.682	15.791.606
	<u>49.593.942</u>	<u>57.353.593</u>

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối kỳ tại các ngân hàng sau đây:

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ</b>	<b>9.161.818.945</b>	<b>4.352.637.450</b>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	9.161.818.945	4.352.637.450
<b>2. Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (3) tháng</b>	<b>15.193.468.590</b>	<b>25.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	5.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	7.193.468.590	7.000.000.000
	<u>24.355.287.535</u>	<u>29.352.637.450</u>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6.2 Các khoản đầu tư thuần**

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.2, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	42.886.148.674	5.907.229.444	(715.883.318)	48.077.494.800

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	33.460.751.714	1.163.001.358	(3.188.296.372)	31.435.456.700
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng (*)	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	<b>36.460.751.714</b>	<b>1.163.001.358</b>	<b>(3.188.296.372)</b>	<b>34.435.456.700</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm một hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bản Việt từ ngày 23 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 3 năm 2015 với lãi suất 5,11%/năm.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6.3 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.866.586	37.526.945
Phải thu cổ tức	269.514.000	-
	<b>287.380.586</b>	<b>37.526.945</b>

**6.4 Phải trả về mua các khoản đầu tư**

Phải trả mua các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau thời gian thanh toán theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2016, thời gian thanh toán là ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3). Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, thời gian thanh toán là hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2).

**6.5 Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư**

Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện phần thuế thu nhập giữ lại trên lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư trong năm 2015 theo quy định về thuế hiện hành tại Việt Nam.

**6.6 Chi phí phải trả**

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Trích trước phí kiểm toán	60.169.399	110.000.000
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
Trích trước phí quản lý thường niên	4.972.682	-
	<b>81.342.081</b>	<b>126.200.000</b>

**6.7 Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ**

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Phí quản lý Quỹ	52.446.206	48.687.436
Phí lưu ký	10.750.000	10.750.000
Phí giám sát Quỹ	19.565.000	19.565.000
Phí quản trị Quỹ	11.180.000	11.180.000
Phí đại lý Chuyển nhượng	33.000.000	33.000.000
Phí giao dịch	10.500.000	9.000.000
	<b>137.441.206</b>	<b>132.182.436</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6.8 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Số dư tại ngày 31.12.2015 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số dư tại ngày 30.6.2016 VND
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng	6.059.795,86	-	6.059.795,86
Giá trị ghi theo mệnh giá	60.597.958.652	-	60.597.958.652
Thặng dư vốn	233.380.900	-	233.380.900
<b>Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ</b>	<b>60.831.339.552</b>	<b>-</b>	<b>60.831.339.552</b>
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng	(118.624,64)	(9.511,03)	(128.135,67)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(1.186.246.400)	(95.110.300)	(1.281.356.700)
Thặng dư vốn	(49.310.188)	(12.375.277)	(61.685.465)
<b>Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ</b>	<b>(1.235.556.588)</b>	<b>(107.485.577)</b>	<b>(1.343.042.165)</b>
<b>Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành</b>	<b>5.941.171,22</b>	<b>(9.511,03)</b>	<b>5.931.660,19</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>59.595.782.964</b>	<b>(107.485.577)</b>	<b>59.488.297.387</b>
Lợi nhuận chưa phân phối	4.571.879.710		13.645.449.133
<b>NAV hiện hành</b>	<b>64.167.662.674</b>		<b>73.133.746.520</b>
<b>NAV hiện hành/ 1 Chứng chỉ Quỹ</b>	<b>10.800,51</b>		<b>12.329,39</b>

**6.9 Lợi nhuận chưa phân phối**

	Số dư tại ngày 31.12.2015 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Chia cổ tức VND	Số dư tại ngày 30.6.2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	6.597.174.723	1.856.928.280	-	8.454.103.003
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(2.025.295.013)	7.216.641.143	-	5.191.346.130
Lợi nhuận chưa phân phối	4.571.879.710	9.073.569.423	-	13.645.449.133



**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)**

STT	Ngày định giá	NAV VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ ("CCQ")	NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1 CCQ VND
1	04.01.2016	64.168.461.376	5.941.171,22	10.800,64	0,13
2	08.01.2016	62.997.691.056	5.941.171,22	10.603,58	(197,06)
3	15.01.2016	62.342.978.660	5.941.171,22	10.493,38	(110,20)
4	22.01.2016	60.891.585.880	5.941.171,22	10.249,09	(244,29)
5	29.01.2016	62.587.987.213	5.941.171,22	10.534,62	285,53
6	31.01.2016	63.025.986.440	5.941.171,22	10.608,34	73,72
7	05.02.2016	63.234.013.104	5.941.171,22	10.643,36	35,02
8	15.02.2016	63.572.956.277	5.941.171,22	10.700,41	57,05
9	19.02.2016	65.103.197.081	5.941.171,22	10.957,97	257,56
10	26.02.2016	65.300.870.387	5.941.171,22	10.991,25	33,28
11	29.02.2016	65.746.025.356	5.941.171,22	11.066,17	74,92
12	04.03.2016	66.619.073.144	5.941.171,22	11.213,12	146,95
13	11.03.2016	67.428.123.211	5.941.171,22	11.349,30	136,18
14	18.03.2016	67.827.867.070	5.941.171,22	11.416,58	67,28
15	25.03.2016	67.137.984.288	5.941.171,22	11.300,46	(116,12)
16	31.03.2016	66.217.191.423	5.941.171,22	11.145,48	(154,98)
17	08.04.2016	66.783.626.365	5.941.171,22	11.240,82	95,34
18	15.04.2016	67.142.069.022	5.941.171,22	11.301,15	60,33
19	22.04.2016	66.089.623.638	5.931.660,19	11.141,84	(159,31)
20	29.04.2016	66.300.575.120	5.931.660,19	11.177,41	35,57
21	30.04.2016	66.653.461.220	5.931.660,19	11.236,90	59,49
22	06.05.2016	67.425.114.495	5.931.660,19	11.366,99	130,09
23	13.05.2016	67.706.023.569	5.931.660,19	11.414,35	47,36
24	20.05.2016	67.970.626.690	5.931.660,19	11.458,95	44,60
25	27.05.2016	67.962.504.255	5.931.660,19	11.457,59	(1,36)
26	31.05.2016	68.460.015.308	5.931.660,19	11.541,46	83,87
27	03.06.2016	68.895.659.687	5.931.660,19	11.614,90	73,44
28	10.06.2016	69.554.827.337	5.931.660,19	11.726,03	111,13
29	17.06.2016	70.381.107.086	5.931.660,19	11.865,33	139,30
30	24.06.2016	71.843.785.637	5.931.660,19	12.111,92	246,59
31	30.06.2016	73.133.746.520	5.931.660,19	12.329,39	217,47

Giá trị tài sản ròng bình quân (\*)

66.467.895.417

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ  
trong kỳ mức cao nhất

285,53

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ  
trong kỳ thấp nhất

0,13

(\*) Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ được xác định là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tại các ngày định giá (hàng tuần và hàng tháng) chia cho tổng số lần định giá trong kỳ.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

8.1 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng khoán Bản Việt, Công ty Quản lý Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Phí quản lý Quỹ	298.076.767	259.440.453

(Chưa soát xét)

Phí quản lý Quỹ được tính hàng tuần và hàng tháng dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá. Tỷ lệ phí quản lý Quỹ hàng năm là 0.9% của giá trị tài sản ròng của Quỹ.

8.2 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“Standard Chartered”), ngân hàng giám sát và lưu ký

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Phí lưu ký (i)	67.841.306	66.994.479
Phí giám sát Quỹ (ii)	117.390.000	117.390.000
Phí quản trị Quỹ (ii)	67.080.000	67.080.000
Phí thanh toán bù trừ tại VSD	1.073.935	829.740
Phí ngân hàng	8.621.260	5.561.987
Phí giao dịch (iii)	46.350.000	19.350.000

(Chưa soát xét)

(i) Tỷ lệ phí lưu ký được tính dựa trên quy mô Quỹ như sau:

Quy mô Quỹ	Phí lưu ký
Dưới 1.500 tỷ Đồng Việt Nam	0,06% NAV/năm
Từ 1.500 tỷ Đồng Việt Nam trở lên	0,05% NAV/năm

Mức phí lưu ký tối thiểu hàng tháng là 10.750.000 Đồng Việt Nam. Phí lưu ký không chịu thuế giá trị gia tăng.

(ii) Các phí này được tính hàng ngày và hàng tháng dựa trên số ngày thực tế trong năm định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá. Tỷ lệ phí giám sát và phí quản trị Quỹ hàng năm lần lượt là 0,035% và 0,02%. Phí giám sát Quỹ và phí quản trị Quỹ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

Mức phí tối thiểu hàng tháng của phí giám sát và phí quản trị Quỹ lần lượt là 11.180.000 Đồng Việt Nam và 19.565.000 Đồng Việt Nam đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

(iii) Phí giao dịch mua, bán chứng khoán là 150.000 Đồng Việt Nam/giao dịch.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

8.3 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Chứng Khoán của Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
Phí môi giới	38.211.652	97.770.993

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Chứng Khoán”) là công ty chứng khoán của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.

8.4 Ngân hàng TMCP Bản Việt, bên liên quan của công ty quản lý Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
Thu nhập từ lãi tiền gửi	105.539.721	276.138.890

8.5 Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND (Chưa soát xét)
Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2016	2015
		(Chưa soát xét)	
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
1	Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,90%	0,89%
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,70%	0,70%
3	Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,40%	0,46%
4	Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,20%	0,19%
5	Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,11%	0,12%
6	Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	2,34%	2,44%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (lần)	173,03%	152,30%

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ (tiếp theo)**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2016	2015 (Chưa soát xét)
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1</b>	<b>Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	59.411.712.200	55.607.107.152
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	5.941.171,22	5.560.710,71
<b>2</b>	<b>Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>		
	Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	-	302.413,74
	Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	-	3.024.137.400
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(9.511,03)	(42.094,07)
	Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(95.110.300)	(420.940.700)
<b>3</b>	<b>Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)</b>		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	59.316.601.900	58.210.303.852
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	5.931.660,19	5.821.030,38
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ</b>	<b>92,10%</b>	<b>90,47%</b>
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ</b>	<b>97,86%</b>	<b>97,12%</b>
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ</b>	<b>0,17%</b>	<b>0,17%</b>
<b>7</b>	<b>Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>	<b>110</b>	<b>121</b>
<b>8</b>	<b>NAV/ đơn vị quỹ cuối kỳ</b>	<b>12.329,39</b>	<b>10.288,02</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng  
Rủi ro thanh khoản  
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng kỳ định giá. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và các khoản phải thu từ bán chứng khoán niêm yết. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Quý có rủi ro thanh khoản cao do phải đáp ứng yêu cầu mua lại Chứng chỉ Quý từ các nhà đầu tư.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tất cả các khoản nợ phải trả của Quý có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Quý không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quý như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì hầu hết các khoản tiền gửi đều hưởng lãi suất cố định.

*Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

*Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nếu giá các cổ phiếu niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 4.807.749.480 Đồng Việt Nam tương ứng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.143.545.670 Đồng Việt Nam).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;
- Quyền theo hợp đồng để:
  - Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc
  - Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Quỹ;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong Thông tư 210 cũng như trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Thông tư 183/2011/TT-BTC và Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC, Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	24.355.287.535	29.352.637.450	24.355.287.535	29.352.637.450
Các khoản đầu tư thuần	48.077.494.800	34.435.456.700	48.077.494.800	34.435.456.700
- Đầu tư vào chứng khoán niêm yết	48.077.494.800	31.435.456.700	48.077.494.800	31.435.456.700
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Tiền bán chứng khoán chờ thu	1.035.045.100	807.137.475	1.035.045.100	807.137.475
Phải thu ròng về thu nhập cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	287.380.586	37.526.945	287.380.586	37.526.945
- Phải thu cổ tức ròng	269.514.000	-	269.514.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.866.586	37.526.945	17.866.586	37.526.945
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.755.208.021</b>	<b>64.632.758.570</b>	<b>73.755.208.021</b>	<b>64.632.758.570</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	402.078.214	188.582.840	402.078.214	188.582.840
Phải trả phí cho các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán				
Chứng chỉ quỹ	-	628.779	-	628.779
Chi phí phải trả	81.342.081	126.200.000	81.342.081	126.200.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	137.441.206	132.182.436	137.441.206	132.182.436
<b>Tổng cộng</b>	<b>620.861.501</b>	<b>447.594.055</b>	<b>620.861.501</b>	<b>447.594.055</b>

**11 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**12 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 10 tháng 8 năm 2016.



---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Trần Đỗ Quyên  
Người lập  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016



---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016



---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Bản Việt  
Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2016

